

Bản án số: 10/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26- 4- 2019

V/v tranh chấp Hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỒNG HỖ, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Huy Bắc

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Vũ Văn Hoàn

2. Bà Ngô Thị Hồng Vân

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Triệu Cẩm Chi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đồng Hỷ tham gia phiên tòa: Bà Ma Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 32/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2019 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2019/QĐXX-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đặng Thị L**, sinh năm 1987

Nơi cư trú: Xóm TS, xã VL, huyện Đ, tỉnh T.

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: Anh **Bế Văn T**, sinh năm 1976

Nơi cư trú: Xóm MT (trước là xóm TC) xã ML, huyện Đ, tỉnh T.

(Vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Trong đơn khởi kiện ly hôn, bản tự khai, cùng các tài liệu, giấy tờ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị **Đặng Thị L** trình bày:

Chị và anh **Bế Văn T** kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã VL, huyện Đ, tỉnh T trên cơ sở tự nguyện và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm TC (nay là xóm MT), xã ML, huyện Đ, tỉnh T. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, tuy nhiên đến năm 2008 thì thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân là do khó khăn về kinh tế, chị phải

đi làm ăn ở xa nhưng anh T không chia sẻ lại thường xuyên ghen tuông vô cớ. Đến cuối năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, cãi vã trầm trọng không thể khắc phục được nên chị đã chuyển về bên nhà ngoại sống, vợ chồng ly thân từ đó cho tới nay.

Nay, chị xác định cuộc hôn nhân giữa chị và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Bé Đặng Quỳnh Tr, sinh ngày 17/12/2007 và Bé Vi H, sinh ngày 22/9/2010, hiện con chung đang sống cùng với anh T. Do các con hiện tại đang sinh sống, học tập ổn định tại xã ML, đồng thời hai cháu đều có nguyện vọng muốn được sống với bố sau khi bố mẹ ly hôn nên chị đồng ý cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung. Chị sẽ tự cấp dưỡng cho con khi nào có điều kiện.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

[2]. Tại Biên bản lấy lời khai, cùng các tài liệu, giấy tờ có trong hồ sơ vụ án, bị đơn anh Bé Văn T xác định về quá trình kết hôn, con chung, tài sản chung, công nợ chung như chị L trình bày là đúng.

Quá trình chung sống vợ chồng thì thoảng có xảy ra mâu thuẫn, nhưng không quá nghiêm trọng. Tháng 03/2018 (âm lịch) chị L đi sang Trung Quốc làm việc. Trong khoảng thời gian đó anh có nghe thông tin nói chị L đi cặp bồ bên Trung Quốc, tuy nhiên do điều kiện thông tin liên lạc khó khăn nên anh cũng không nói chuyện rõ ràng với chị L được. Sau đó chị L về nước, trong một lần cãi vã anh tức giận có ném điện thoại của chị L đi, chị L thu dọn quần áo về bên nhà ngoại sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho tới nay. Anh nhận thức được hành vi của mình là sai nên đã xin lỗi chị L, lên nhà ngoại đón chị L về, tuy nhiên chị L cương quyết muốn ly hôn, không quay trở về nữa.

Quan điểm của anh là không muốn vợ chồng ly hôn, tuy nhiên bản thân chị L cương quyết muốn ly hôn thì đó là sự tự quyết định của chị L.

Về con chung: Trường hợp vợ chồng ly hôn anh muốn là người được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung, vì hiện tại cả hai con đang sống cùng với anh, sinh hoạt và học tập đang ổn định, anh cũng có nhà cửa đang hoàn thiện, thu nhập hàng tháng khoảng 5 đến 6 triệu đồng đủ điều kiện nuôi cả hai con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không đề nghị Tòa án giải quyết.

[3]. Tại biên bản làm việc xác định nguyện vọng của con chung ngày 26/02/2019, hai con chung của đương sự là Bé Đặng Quỳnh Tr và Bé Vi H đều có nguyện vọng sau khi bố mẹ ly hôn hai cháu muốn được sống cùng với bố.

[4]. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập tài liệu chứng cứ về tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh T tại địa phương nơi cư trú. Kết quả xác định: sau khi kết hôn anh T và chị L chung sống tại xóm TC (nay là xóm MT), xã ML, huyện Đ, tỉnh T. Mấy năm trở lại đây chị L hay đi làm ăn xa đến cuối năm mới về. Trước tết Nguyên đán 2019, không rõ nguyên nhân vì sao anh T và

chị L xảy ra mâu thuẫn, sau đó chị L đã bỏ về bên nhà ngoại sống từ đó cho tới nay không trở về địa phương sống cùng anh T nữa.

[5]. Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Trong quá trình từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong vụ án đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng để giải quyết vụ án.

- Về nội dung: Căn cứ hồ sơ vụ án, các tài liệu, chứng cứ đã được Hội đồng xét xử xem xét tại phiên tòa, nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận. Áp dụng Điều 21, 28, 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Đặng Thị L, cho chị Đặng Thị L được ly hôn với anh Bé Văn T.

+ Về con chung: Giao 02 con chung là Bé Đặng Quỳnh Tr, sinh ngày 17/12/2007 và Bé Vi H, sinh ngày 22/9/2010 cho anh Bé Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng: Không xem xét giải quyết vì đương sự chưa có yêu cầu.

+ Về tài sản chung, công nợ chung: Không xem xét giải quyết vì đương sự không yêu cầu.

+ Án phí: Chị Đặng Thị L phải nộp 300.000 đồng tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án tranh chấp Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn chị Đặng Thị L, nơi cư trú: xã VL, huyện Đ, tỉnh T với bị đơn anh Bé Văn T, nơi cư trú: xã ML, huyện Đ, tỉnh T. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên.

Tại phiên tòa hôm nay anh Bé Văn T vắng mặt lần thứ hai không có lý do, mặc dù trước đó Tòa án đã tiến hành tổng đạt, niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với anh T theo đúng trình tự, thủ tục quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Bé Văn T.

[2]. Về nội dung vụ án:

+ Quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị L và anh Bé Văn T kết hôn năm 2007, có đăng ký kết hôn tại UBND xã VL, huyện Đ, tỉnh T trên cơ sở tự nguyện và được tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương. Vì vậy, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại xóm TC(nay là xóm MT), xã ML, huyện Đ, tỉnh T. Quá trình chung sống thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc; tuy nhiên đến năm 2008 thì thường xuyên mâu thuẫn, nguyên nhân là do khó khăn về kinh tế, chị L phải đi làm ăn ở xa nhưng anh T không chia sẻ lại thường xuyên ghen tuông vô cớ. Đến cuối năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, cãi vã trầm trọng không thể khắc phục được nên chị L đã chuyển về bên nhà ngoại sống, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay.

Nay, chị L xác định cuộc hôn nhân của vợ chồng chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Về phía anh T xác định không muốn vợ chồng ly hôn vì thương các con, còn nếu chị L cương quyết muốn ly hôn thì do chị L tự quyết định.

Kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của anh T, chị L tại địa phương cho thấy: khoảng trước tết nguyên đán 2019 chị L và anh T có xảy ra mâu thuẫn, cãi vã trầm trọng, chị L đã bỏ về quê ngoại tại xã VL, huyện Đ sinh sống từ đó cho đến nay, vợ chồng cũng không thường xuyên quan tâm, liên lạc gì với nhau nữa.

Qua đó, Hội đồng xét xử xét thấy cuộc hôn nhân hiện nay giữa chị L và anh T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị L là có cơ sở chấp nhận, cho chị L được ly hôn với anh T là phù hợp với các quy định của pháp luật.

+ *Về con chung*: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Bé Đặng Quỳnh Tr, sinh ngày 17/12/2007 và Bé Vi H, sinh ngày 22/9/2010, hiện tại con chung đang sống cùng anh T và đều có nguyện vọng muốn được sống với bố sau khi bố mẹ ly hôn. Trong quá trình giải quyết vụ án anh T đều có nguyện vọng muốn được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đối với hai con chung và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con. Chị L cũng nhất trí để anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con chung sau khi vợ chồng ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, hiện tại con chung đang sống với anh T, cuộc sống học tập và sinh hoạt đang ổn định, anh T có nhà ở và có thu nhập đảm bảo các điều kiện để trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung sau khi vợ chồng ly hôn thì cần giao hai con chung là Bé Đặng Quỳnh Tr và Bé Vi H cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho tới khi con thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi có sự thay đổi khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh T chưa có yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

+ *Về tài sản chung, công nợ chung*: Đương sự không có yêu cầu. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[3]. Về án phí:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chị Đặng Thị L phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 174, Điều 175, Điều 177, Điều 179, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của chị Đặng Thị L, cho chị Đặng Thị L được ly hôn với anh Bé Văn T.

2. Về con chung: Áp dụng Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Giao con chung là Bé Đặng Quỳnh Tr, sinh ngày 17/12/2007 và Bé Vi H, sinh ngày 22/9/2010 cho anh Bé Văn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho tới khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc tới khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung đối với chị Đặng Thị L vì anh Bé Văn T chưa có yêu cầu.

Chị Đặng Thị L có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng cho con chung.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết. Các đương sự được quyền khởi kiện bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

4. Án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Đặng Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nộp ngân sách Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016239 ngày 18/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên. Chị Đặng Thị L đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn chị Đặng Thị L, vắng mặt bị đơn anh Bé Văn T. Báo cho chị L biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Đồng Hỷ;
- Chi cục THADS huyện Đồng Hỷ;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- UBND xã VL, huyện Đồng Hỷ;
- UBND xã ML, huyện Đồng Hỷ;
- L: HS, bộ phận HNGĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Huy Bắc